

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PĂH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 14-8-2018.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Hoàng Thị Bình.

+ Ông Trịnh Văn Nguyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Sáng – Là Thư ký tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017, về việc: *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/7/2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc V, [sinh năm 1969](#).

Địa chỉ: thôn 1, xã Ia Ka, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

-Bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: thôn 1, xã Ia Ka, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Ngọc V trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lê Ngọc V và bà Vũ Thị T tự nguyện tìm hiểu, cảm thông hoàn cảnh của nhau rồi đi đến hôn nhân. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Ka, huyện Chư Păh vào ngày 28/4/ 2010.

Sau khi kết hôn, hai người chung sống tại nhà riêng của ông V. Thời gian đầu ông V và bà T chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai người đã từng có gia đình riêng, đều có tài sản riêng trước khi kết hôn với nhau, nên không thống nhất với nhau về việc chi tiêu trong gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và bà T đã bỏ về nhà riêng ở. Ông V có đến thuyết phục để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà T không quay về chung sống, hai người đã sống ly thân được hai năm. Trong thời gian này bà T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không rõ địa chỉ cụ thể, lâu lâu mới thấy trở về nhà rồi lại đi làm tiếp. Ông V và bà T cũng không còn quan tâm hỏi thăm nhau, không liên lạc được với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lê Ngọc V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị T.

Về con chung: Ông V và bà T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, và nợ chung: Ông Lê Ngọc V và bà Vũ Thị T không có nên ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông Lê Ngọc V không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn là bà Vũ Thị T: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T (niêm yết công khai) và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, phát biểu quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 220 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó HĐXX vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- **Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

*Về hôn nhân: **Đề nghị HĐXX chấp nhận cho** ông Lê Ngọc V được ly hôn với bà Vũ Thị T.

*Về con chung, tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: ông V không yêu cầu nên không xem xét.

* Về án phí: Buộc ông Lê Ngọc V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Lê Ngọc V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Vũ Thị T có nơi cư trú là thôn 1, xã Ia Ka, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án: “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Vũ Thị T hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Vũ Thị T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc V và bà Vũ Thị T tự nguyện tìm hiểu, sau đó kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Ka, huyện Chư Păh vào năm 2010. Do đó, hôn nhân giữa ông V và bà T là hợp pháp, theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống với bà Vũ Thị T, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lê Ngọc V khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Vũ Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bà T để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng bà T không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông V và tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt. Như vậy bà T không có thiện chí mong muốn được hòa giải đoàn tụ với ông V.

Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ. Ông V và bà T là vợ chồng hợp pháp nhưng ông, bà không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, thời gian 02 năm qua đôi bên không liên lạc, không còn quan tâm đến nhau, làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông V yêu cầu ly hôn với bà T là có căn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Ông V và bà T chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Ngọc V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là: 2.100.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc V.

1.2 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc V được ly hôn với bà Vũ Thị T.

1.3 Về con chung: Ông Lê Ngọc V và bà Vũ Thị T chưa có con chung nên không xem xét, giải quyết.

1.4 Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung: Ông Lê Ngọc V không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

1.5 Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là: 2.100.000 đồng, ông Lê Ngọc V tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

1.6 Về án phí: Buộc ông Lê Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0002592, ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Ông V đã nộp đủ tiền án phí.

2. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2018) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS H.Chư Păh
- THA DS H.Chư Păh;
- Dương sự;
- UBND xã Ia Ka, huyện Chư Păh;
- Lưu HS VTTA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- UBND phường Thống Nhất (số: 23, Q.số: 01/2005);
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**